

Bản án số: 1027/2024/HS-PT
Ngày 31 tháng 10 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: ông Lê Thành Long

bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 744/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo Đỗ Văn Ph và Trần Công Đ. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 320/2024/HS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Công Đ**; sinh ngày 22 tháng 01 năm 1957, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú và cư trú: 451/17 Nguyễn Tr, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Địa ốc Sài G – TNHH MTV (R); trình độ văn hóa: 12/12; Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị khai trừ Đảng ngày 22/5/2023; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Th và bà Tôn Nữ Thị Đ; có vợ và 01 con, sinh năm 1986; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên: **Đỗ Văn Ph**; sinh ngày 20 tháng 11 năm 1954, tại Quảng Nam; thường trú và cư trú: 645 Lũy Bán B, phường Phú Th, quận Tân Ph, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Địa ốc Sài G – TNHH MTV (R); trình độ văn hóa: 12/12; Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị khai trừ Đảng ngày 22/5/2023; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đỗ Văn Th và bà Hà Thị C; có vợ và 02con,

sinh năm 1982 và năm 1985; tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Công Đ: Luật sư Trần Phú Th - Văn phòng Luật sư Lâm Kim H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Ph: Luật sư Phùng Thị H – Văn phòng Luật sư Chợ L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người định giá nhưng không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Công ty Địa ốc Sài G được thành lập theo Quyết định 7363/QĐ-UB-KT ngày 23/12/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (*sau đây viết tắt là UBND Thành phố*). Năm 2004, Tổng Công ty Địa ốc Sài G được tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 5211/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND Thành phố.

Đến năm 2010, Tổng Công ty Địa ốc Sài G chuyển đổi thành Tổng Công ty Địa ốc Sài G - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (*viết tắt là Công ty R*), theo Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 của UBND Thành phố. Chủ sở hữu là UBND Thành phố.

Ngày 09/10/2010, Công ty R được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0301479844, trụ sở chính tại số 41 Sương Nguyệt A, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 4550/UB-UBND ngày 26/9/2011 của UBND Thành phố, Công ty R có 03 đơn vị trực thuộc, 13 công ty con, 11 công ty liên kết trong nước và 06 công ty liên doanh nước ngoài.

Ngày 27/10/2008, UBND Thành phố có Văn bản số 6650/UBND-TM về phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà đất của Công ty kho bãi Thành phố thuộc Tổng Công ty Địa ốc Sài G (*sau đây gọi tắt là Văn bản 6650*), nội dung liên quan đến 13 mặt bằng, cụ thể:

- Chấp thuận cho Công ty kho bãi Thành phố bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định đối với 03 mặt bằng: số 24 Bis đường Đông D, phường Bến Nghé, Quận 1; số 717 đường Bến Bình Đ, Phường M, Quận T và số 682 đường Hồng B, Phường O, Quận E.

- Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng theo quy hoạch của Thành phố, đối với có 05 mặt bằng: số 36 Đường số 3 cư xá Lữ G và số 299/18 đường Lý Thường K, Phường O5, Quận E; số 38 đường Kim B và số 88 đường Gò C, Phường M, Quận N; số 458 đường Nguyễn Tất Th, Phường O8, Quận T.

- Chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất sang nhà ở xã hội theo quy hoạch Thành phố, đối với 05 mặt bằng: số 99 đường Bến Bình Đ, Phường O1, Quận T; số 6/12 Đường số 3 cư xá Lữ G, Phường O5, Quận E; số 284/3 đường Lũy Bán B, phường Hòa Th, quận Tân Ph; số 64/8 đường Lũy Bán B và số 04 đường Lương Thế V, phường Tân Thới H, quận Tân Ph.

Ngày 09/8/2010, UBND Thành phố có Văn bản số 3776/UBND-ĐTMT chấp thuận chủ trương giao R thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư Dự án Rạch Ụ C.

Ngày 24/9/2010, UBND Thành phố có Văn bản số 4725/UBND-ĐTMT chấp thuận chủ trương giao 03 mặt bằng: số 557 đường Bến Bình Đ, Phường M, Quận T; số 318A Phạm H, Phường N, Quận T và 4.606,5m² Quốc lộ 50, Phường 6, Quận T, cho R để hoàn trả nguồn vốn đầu tư mà chủ đầu tư đã chi trả cho phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư của Giai đoạn 1 Dự án Rạch Ụ C.

Ngày 10/10/2011, UBND Thành phố có Văn bản số 5096/UBND-ĐTMT (*sau đây gọi tắt là Văn bản 5096*) chấp thuận chủ trương cho Công ty R tiếp tục triển khai thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng theo quy hoạch của Thành phố tại 13 địa chỉ nhà, đất theo Văn bản 6650; tiền sử dụng đất xác định theo giá thị trường, thông qua các tổ chức có chức năng thẩm định bất động sản theo quy định của Nhà nước, Sở Tài Chính thẩm định lại, trình UBND Thành phố phê duyệt; chấp thuận chủ trương cho Công ty R được sử dụng toàn bộ số tiền sử dụng đất nêu trên để cân trừ vốn đầu tư Giai đoạn 1 của Dự án Rạch Ụ C thay vì phải nộp vào ngân sách Thành phố; giao Sở Tài Chính chủ trì các đơn vị căn cứ mức giá được duyệt đối với các mặt bằng, nhà, đất nêu trên để lập thủ tục ghi tiền sử dụng đất, ghi chi hoàn trả vốn đầu tư Giai đoạn 1 Dự án Rạch Ụ C; trường hợp mức giá được duyệt lớn hơn số vốn mà Công ty R đã ứng ra, Công ty R có trách nhiệm nộp khoản chênh lệch vào ngân sách Thành phố. Cụ thể các nội dung chấp thuận như sau:

- Chấp thuận cho Công ty R tiếp tục chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng theo quy hoạch của UBND Thành phố tại Văn bản 6650, đối với 05 mặt bằng, nhà, đất gồm: số 36 cư xá Lữ G, 299/18 Lý Thường K, 38 Kim B, 88 Gò C và số 458 Nguyễn Tất Th.

- Chấp thuận cho Công ty R được tiếp tục quản lý sử dụng (chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất) để đầu tư khai thác kinh doanh theo quy hoạch, thay vì thực hiện bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất theo Văn bản 6650, đối với 03 mặt bằng, nhà, đất gồm: 24Bis Đông D, 717 Bến Bình Đ và số 682 Hồng B.

- Chấp thuận cho Công ty R được chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở (kinh doanh), thay vì đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo Văn bản 6650, đối với 05 mặt bằng, nhà, đất gồm: số 99 Bến Bình Đ, 6/12 cư xá Lữ G, 284/3 Lũy Bán B, 64/8 Lũy Bán B và số 04 Lương Thế V.

Ngày 10/12/2015, UBND Thành phố có Văn bản số 7779/UBND-PCPN về hủy bỏ nội dung chuyển giao khu đất 318 Phạm H, Phường N, Quận T cho Công ty R tại Văn bản số 4725/UBND-ĐTMT ngày 24/9/2010.

Như vậy, tổng số mặt bằng, nhà, đất Công ty R được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương sử dụng toàn bộ số tiền sử dụng đất để cân trừ vốn đầu tư giai đoạn 1 của dự án Rạch U C thay vì phải nộp vào ngân sách Thành phố là 15 mặt bằng, nhà, đất.

Ngày 08/01/2013, Công ty R có Văn bản số 20/TCT-KHKD gửi UBND Thành phố đề xuất cho phép Công ty R chuyển nhượng quyền sử dụng đất các mặt bằng hoàn vốn đầu tư dự án Rạch U C giai đoạn 1 tại Văn bản 5096 cho các đơn vị thành viên Công ty R.

Sau đó, ngày 10/01/2013 UBND Thành phố chủ trì tổ chức họp để giải quyết một số dự án đầu tư xây dựng nhà ở của Công ty R. Đến ngày 22/01/2013, UBND Thành phố có Thông báo số 59/TB-VP về kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố (*sau đây gọi tắt là Thông báo 59*), với nội dung: Thống nhất chủ trương việc Tổng Công ty chuyển giao quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại các mặt bằng nhà, đất được hoàn vốn đầu tư từ dự án Chính trang đô thị Rạch U C giai đoạn 1 (theo Công văn số 5096) cho các đơn vị thành viên Tổng Công ty để các đơn vị thành viên tiến hành lập thủ tục đầu tư dự án, khai thác theo quy định...

Trong giai đoạn 2012-2016, khi Công ty R được UBND Thành phố có quyết định phê duyệt đơn giá thu tiền sử dụng đất và giao 10/15 mặt bằng¹, còn 05/15 mặt bằng² chưa được UBND Thành phố giao cho Công ty R chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng theo quy hoạch của UBND Thành phố, nhưng Công ty R không thực hiện mà chuyển nhượng 10 mặt bằng nêu trên.

Diễn biến quá trình chuyển nhượng các mặt bằng có sai phạm phải xử lý hình sự:

Mặt bằng 299/18 đường Lý Thường K, Phường O5, Quận E.

Ngày 07/6/2012 UBND Thành phố có Quyết định số 2968/QĐ-UBND về việc duyệt giá trị quyền sử dụng đất đối với mặt bằng 299/18 Lý Thường K là 36.965.663.989 đồng.

Sau khi nhận được Thông báo 59, mặc dù UBND Thành phố thống nhất chủ trương chuyển giao cho các đơn vị thành viên Tổng Công ty, Nguyễn Phước Ng (Tổng Giám đốc R) đã phân công Hoàng Hải Đ (Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh), soạn thảo, ký nháy và trình Ng tờ trình về chủ trương chuyển nhượng

¹ Gồm các mặt bằng: 36 Cư xá Lữ Gia; 458 Nguyễn Tất Thành; 299/18 Lý Thường Kiệt; 24Bis Đông Du; 717 Bến Bình Đông; 682 Hồng Bàng; 99 Bến Bình Đông; 4 Lương Thế Vinh; 557 Bến Bình Đông và 4.606,5m² Quốc lộ 50, Phường 6, Quận 8 (Trung tâm thương mại Bình Dăng).

² Gồm các mặt bằng: 38 Kim Biên, Quận 5; 88 Gò Công, Quận 5; 64/8 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú; 6/12 Cư xá Lữ Gia và 284/3 Lũy Bán Bích.

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại khu đất số 299/18 Lý Thường Kiệt cho Công ty Cổ phần Địa ốc 7³, không phải là đơn vị thành viên của Công ty R.

Ngày 30/01/2013, Nguyễn Phước Ng ký Tờ trình số 134/TT-KHKD ngày 30/01/2013 gửi Hội đồng thành viên. Sau đó, Hội đồng thành viên gồm: Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Phước Ng, Đỗ Văn Ph và Nguyễn Tín Tr, không tổ chức họp mà phát Phiếu đề lấy ý kiến. Sau khi được Hội đồng thành viên đồng ý trên các phiếu, ngày 20/02/2013, Nguyễn Tín Tr (Chủ tịch Hội đồng thành viên) ký Nghị Quyết số 185/NQ-HĐTV về việc đồng ý chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại khu đất số 299/18 Lý Thường Kiệt cho Công ty Cổ phần Địa ốc 7.

Ngày 06/8/2013, Nguyễn Phước Ng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 299/18 Lý Thường Kiệt cho Công ty Cổ phần Địa ốc B với giá là **38.263.442.581 đồng** và Công ty Cổ phần Địa ốc B đã 05 lần chuyển khoản vào tài khoản của Công ty R với tổng số tiền 38.263.442.581 đồng.

Ngày 09/09/2013, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố đã cập nhật quyền sử dụng đất từ Công ty R sang Công ty CP Địa ốc 7. Ngày 12/11/2013, Sở Xây dựng có Văn bản số 9657/SXD-TCV công nhận Công ty Cổ phần Địa ốc B là chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở độc lập tại khu đất 299/18 Lý Thường Kiệt. Ngày 20/01/2014, UBND Thành phố có Văn bản số 305/UBND-ĐTMT công nhận Công ty Cổ phần Địa ốc B làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở độc lập tại khu đất 299/18 Lý Thường Kiệt.

Sau khi được UBND Thành phố đồng ý làm chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Địa ốc B đã xây dựng, chuyển nhượng 03 căn nhà thô tại địa chỉ trên với tổng giá trị 50.103.492.102 đồng cho 03 cá nhân⁴. Đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố và UBND Quận E đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà gắn liền với đất cho 03 cá nhân này.

Ngày 05/12/2016, Công ty R chuyển khoản số tiền 36.965.663.989 đồng để thực hiện nghĩa vụ tài chính vào ngân sách nhà nước (tài khoản số 7111.1046.142 tại Kho bạc Nhà nước Thành phố) theo thông báo số 7101 ngày 09/09/2016 của Sở Tài chính.

Kết luận định giá số 2502/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố xác định: Giá trị quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại địa chỉ 299/18 Lý Thường Kiệt vào ngày R chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Địa ốc B là: **40.437.232.061 đồng** cao hơn giá Công ty R chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Địa ốc B là **2.173.789.480 đồng**⁵.

³ Công ty Cổ phần Địa ốc 7 được chuyển thể từ Doanh nghiệp nhà nước từ ngày 30/3/2010, có vốn góp của R là 20%.

⁴ Gồm: bà Đặng Thị Như Phụng, bà Trần Thị Hồng Vân và ông Phan Minh Hoàng

⁵ 40.437.232.061 - 38.263.442.581 = 2.173.789.480 đồng.

Mặt bằng 682 đường Hồng B, Phường 01, Quận E.

Ngày 24/12/2015, Nguyễn Đình Ph (Phó Tổng Giám đốc Công ty R) ký Tờ trình số 1649/TTr-KHKD và trình Hội đồng thành viên về việc chuyển giao mặt bằng 682 Hồng B cho Công ty Cổ phần Xây dựng địa ốc Nam V⁶ (sau đây gọi tắt là Công ty địa ốc Nam V), không phải là đơn vị thành viên của R, với giá chuyển nhượng 22.241.503.813 đồng.

Ngày 29/12/2015, họp Hội đồng thành viên Công ty R gồm Nguyễn Tín Tr, Nguyễn Phước Ng, Trần Công Đ, thống nhất về việc “chuyển giao khu đất 682 Hồng B cho đơn vị thành viên”, cuộc họp có sự tham gia của ông Võ Hữu H, Kiểm soát viên. Cùng ngày, Nguyễn Tín Tr ký Nghị quyết số 1705/NQ-HĐTV ngày 29/12/2015 chấp thuận chuyển giao mặt bằng 682 Hồng B cho Công ty Địa ốc Nam V với giá trị như trên. Trong đó, Võ Hữu H có tham gia cuộc họp.

Ngày 30/12/2015, Nguyễn Đình Ph (Phó Tổng giám đốc R) ký hợp đồng chuyển nhượng mặt bằng 682 Hồng B cho Công ty địa ốc Nam V với giá 22.241.503.813 đồng.

Ngày 28/01/2016, Nguyễn Đình Ph tiếp tục ký hợp đồng có công chứng chuyển nhượng mặt bằng 682 Hồng B cho Công ty địa ốc Nam V với giá **22.241.503.813 đồng**, Công ty địa ốc Nam V đã chuyển khoản 06 lần với tổng số tiền 22.241.503.813 đồng cho Công ty R.

Ngày 22/3/2016, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố đã cập nhật quyền sử dụng đất từ Công ty R sang Công ty địa ốc Nam V.

Ngày 14/12/2020, ông Bùi Duy Ph, Tổng Giám đốc Công ty địa ốc Nam V ký hợp đồng chuyển nhượng mặt bằng 682 Hồng B với giá 24.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thúy H⁷. Đến ngày 30/3/2011, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quận E cập nhật quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thúy H.

Kết luận định giá số 2666/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố xác định: Giá trị quyền sử dụng đất của mặt bằng 682 Hồng B tại thời điểm Công ty R ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng cho Công ty địa ốc Nam V là **24.048.655.058 đồng**, cao hơn giá Công ty R chuyển nhượng cho Công ty địa ốc Nam V là **1.807.151.245 đồng**⁸.

Mặt bằng 4.606,5m², Quốc lộ 50, Phường 6, Quận T (gọi tắt là mặt bằng Bình Đ):

Ngày 13/9/2012, UBND Thành phố có Quyết định số 4710/QĐ-UBND chấp thuận cho Công ty R “được sử dụng 4.606,5m² thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 60, 63 bộ địa chính Phường 6, Quận 8, tại Quốc lộ 50 với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất là đất ở (xây dựng Chung cư kết hợp thương mại). Tổng Công

⁶ Công ty Cổ phần Xây dựng địa ốc Nam V, là công ty Liên kết với R và được R góp vốn 20% từ năm 2010 cho đến nay.

⁷ Hợp đồng số 005144 ngày 14/12/2020 tại Văn Phòng Công chứng Nguyễn Văn Th, địa chỉ 429/1 Rừng S, ấp Bình A, xã Bình Kh, huyện Cần gi, Thành phố hồ Chí Minh.

⁸ 24.048.655.058 - 22.241.503.813 = 1.807.151.245 đồng.

ty R có trách nhiệm Quản lý sử dụng đất, thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định”.

Ngày 08/10/2012, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty R⁹.

Ngày 19/02/2014, Đỗ Văn Ph, Phó tổng Giám đốc R ký Tờ trình số 160/TT-KHKD trình Hội đồng thành viên về chuyển nhượng mặt bằng Bình Đ cho Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Thương mại Sài Gòn 5¹⁰ (sau đây gọi tắt là Công ty Sài Gòn 5), với giá chuyển nhượng là giá trị theo Quyết định duyệt giá¹¹ và phí quản lý 5%.

Ngày 21/02/2014, họp Hội đồng thành viên gồm Nguyễn Tín Tr, Trần Công Đ, Nguyễn Phước Ng, Đỗ Văn Ph thống nhất nội dung Tờ trình số 160/TT-KHKD về việc chuyển nhượng mặt bằng Bình Đ cho Công ty Sài Gòn 5. Tại cuộc họp có sự tham gia của ông Võ Hữu H.

Ngày 06/3/2014, Nguyễn Tín Tr ký Nghị quyết số 220/NQ-HĐTV về việc chấp thuận chuyển nhượng mặt bằng Bình Đ cho Công ty Sài Gòn 5.

Ngày 17/3/2014, ông Nguyễn Phước Ng, Tổng Giám đốc R ký hợp đồng chuyển nhượng mặt bằng Bình Đ cho Công ty Sài Gòn 5 với giá chuyển nhượng là **90.914.277.625 đồng**¹².

Kết luận định giá số 06/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp bộ xác định: giá trị giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại mặt bằng Bình Đ thời điểm ngày 17/03/2014 là: **132.367.481.000 đồng**, cao hơn giá Công ty R chuyển nhượng cho Công ty Sài Gòn 5 là **41.453.203.375 đồng**¹³.

Việc xác định giá trị tài sản Nhà nước bị thiệt hại trong việc chuyển nhượng 03 mặt bằng:

Văn bản số 5096/UBND-ĐTMT ngày 10/10/2011 của UBND Thành phố nêu “Chấp thuận cho Tổng Công ty Địa ốc Sài G tiếp tục chuyển mục đích sử dụng đất, tiếp tục quản lý sử dụng (chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất) để đầu tư khai thác kinh doanh theo quy hoạch của UBND Thành phố”. Theo đó, Công ty R phải thực hiện: tiếp tục chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng theo quy hoạch đối với mặt bằng 299/18 Lý Thường K, tiếp tục quản lý sử dụng (chế

⁹ Giấy chứng nhận số CT15866-BK380109 ngày 08/10/2012 có ghi chú: R phải hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng theo chỉ đạo tại Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 13/09/2012 của UBND TP. Hồ Chí Minh trước khi khởi công xây dựng.

¹⁰ Ngày 24/12/2010, Công ty Xây dựng thương mại Sài Gòn 5 (100% vốn Nhà nước) chuyển đổi mô hình hoạt động và đổi tên thành Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại Sài Gòn 5 với 100% vốn của Resco. Ngày 01/9/2016, Công ty TNHH MTV XD TM Sài Gòn 5 cổ phần hóa đổi tên thành Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Sài Gòn 5, với 99,78% vốn của Resco.

¹¹ Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 của UBND Thành phố duyệt giá mặt bằng Trung tâm Thương mại Bình Đăng là 86.174.670.735 đồng

¹² Hợp đồng số 08/HĐCNQSDĐ/2014 ngày 17/4/2014.

¹³ $132.367.481.000 - 90.914.277.625 = 41.453.203.375$ đồng

độ giao đất có thu tiền sử dụng đất) để đầu tư khai thác kinh doanh đối với mặt bằng 682 Hồng B và quản lý sử dụng đất, thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định đối với mặt bằng Bình Đ.

Tuy nhiên, sau khi được bàn giao các mặt bằng trên các cá nhân là Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh của R gồm Nguyễn Tín Tr, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Nguyễn Phước Ng, Tổng giám đốc, Nguyễn Đình Phú, Phó Tổng giám đốc, Trần Công Đ, Đỗ Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H, Hoàng Hải Đ, Thành viên Hội đồng thành viên và Võ Hữu H, Kiểm soát viên không thực hiện, thực hiện không đúng các nội dung trên, đã chuyển nhượng mặt bằng 289/18 Lý Thường K và mặt bằng 682 Hồng B cho các doanh nghiệp liên kết, không phải Công ty thành viên như chủ trương của UBND Thành phố tại Thông báo 59, chuyển nhượng không thông qua đấu giá và chuyển nhượng khi chưa báo cáo, chưa có ý kiến đồng ý của UBND Thành phố đối với mặt bằng Bình Đ và cả 03 mặt bằng đều không thẩm định giá theo giá thị trường trước khi chuyển nhượng.

Hành vi của các bị can vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định 09/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007; khoản 3, khoản 6 Điều 2 và Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008. Đối với mặt bằng Bình Đ còn vi phạm quy định tại Điều 15 Luật Đất đai 2003, khoản 1 Điều 101 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 8 Điều 2 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006; đối với mặt bằng 682 Hồng B còn vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 194 Luật Đất đai 2013 và điểm b khoản 1 Điều 41 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, gây thất thoát cho Tổng Công ty Địa ốc Sài G tại thời điểm chuyển nhượng là **45.434.144.100 đồng**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 320/2024/HS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; điểm b, s, v, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trần Công Đ** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; điểm b, s, v, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn Ph** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Tín Tr, Nguyễn Phước Ng, Võ Hữu H, Hoàng Hải Đ, Nguyễn Thị

Thúy H và Nguyễn Đình Phú; bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2024, bị cáo Trần Công Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 10/7/2024, bị cáo Đỗ Văn Ph có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo có cung cấp thêm các tài liệu về nhân thân như trình bày của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, các tình tiết giảm nhẹ bị cáo nêu ra đó là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự với khung hình phạt từ 10 năm đến 20 năm tù nhưng do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị là 03 năm 06 tháng tù là đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Mức án 03 năm 06 tháng tù chỉ cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, không có căn cứ giảm nhẹ cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Công Đ trình bày ý kiến tranh luận: Thống nhất về phần tội danh và diễn biến hành vi như cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử. Tuy nhiên xét về nguyên nhân, động cơ, bối cảnh phạm tội Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một số nội dung sau: thực tế để xảy ra sai phạm trong vụ án này cũng có một phần lỗi của Ban chỉ đạo 09 và Ủy ban nhân dân Thành phố, khi các cơ quan này đã ban hành nhiều văn bản cho phép R thực hiện việc chuyển nhượng các mặt bằng này, trên cơ sở đó các bị cáo là Thành viên Hội đồng thành viên của Tổng công ty R đã biểu quyết thống nhất chuyển nhượng cho các đơn vị liên kết, không phải là thành viên của R. Bản thân bị cáo đã nhận thức được sai phạm và khắc phục một phần hậu quả của vụ án, trong vụ án này bị cáo không có động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân, việc chuyển nhượng dự án cũng chỉ chuyển nhượng cho các đơn vị thành viên, lỗi phạm tội vô ý. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, t, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Trần Công Đ được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Ph trình bày ý kiến tranh luận: Thống nhất về phần tội danh và diễn biến hành vi như cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc lại về việc áp dụng pháp luật vì hành vi của các bị cáo xảy ra trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực. Do đó Bộ luật Hình sự áp dụng trong vụ án này là Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xét về số tiền thất thoát trong vụ án liên quan đến bị cáo Phúc, do Công ty Địa ốc Sài Gòn 5 đã tự nguyện khắc phục hơn 41 tỷ cho Tổng công ty R nên phần thất thoát đã giảm xuống chỉ còn liên quan đến 02 mặt bằng. Về chuyên môn công tác của bị cáo Phúc cho thấy bị cáo trước đây làm công tác Đảng, không có chuyên môn về kinh doanh bất động sản, bị cáo không có động cơ vụ lợi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra vụ án đã khắc phục hậu quả vụ án; gia đình bị cáo có công với cách mạng (có anh ruột là liệt sỹ, bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng); quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; bị cáo được tặng nhiều giấy khen, bằng khen của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình công tác; người phạm tội là người già; tại phiên tòa đơn vị bị thất thoát tài sản là công ty R cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, t, v, s, o khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo chấp nhận lời bào chữa của các luật sư, không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét bối cảnh, nguyên nhân, tính chất, mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo để xét xử vụ án khách quan và giảm nhẹ một phần hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư và của các bị cáo:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph được làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, căn cứ vào các lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu chứng cứ khác đã có đủ cơ sở xác định:

Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt là Tổng Công ty R) là Doanh nghiệp nhà nước có 100% vốn và thuộc sở hữu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty R có tư cách pháp nhân,

có con dấu, có vốn điều lệ và hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Từ thời điểm năm 2010 đến năm 2016, Nguyễn Tín Tr là Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty R, Nguyễn Phước Ng là Thành viên Hội đồng Thành viên – Tổng giám đốc Tổng Công ty R; Trần Công Đ, Đỗ Văn Ph, Nguyễn Thị Thúy H và Nguyễn Đình Ph là Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty R; Võ Hữu H là Kiểm soát viên Tổng Công ty R và Hoàng Hải Đ là Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Tổng Công ty R.

Ngày 10/10/2011, Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản số 5096/UBND-ĐTMT về việc chuyển giao các mặt bằng kho bãi cho Tổng Công ty R để hoàn vốn đầu tư giai đoạn 1, dự án Rạch Ụ C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó đối với mặt bằng nhà đất số 299/18 Lý Thường K, Phường O5, Quận E, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Tổng công ty R được tiếp tục triển khai thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng theo quy hoạch của Thành phố. Đối với nhà đất số 682 Hồng B, Phường O, Quận E thì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Tổng Công ty Reso được tiếp tục quản lý sử dụng (với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất) để đầu tư khai thác kinh doanh theo quy hoạch.

Đồng thời, tại Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 13/09/2012, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Tổng Công ty R tại khu đất 4.606,5m² Quốc lộ 50, Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu Tổng Công ty R có trách nhiệm quản lý sử dụng đất, thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định.

Đến ngày 22/01/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 59/TB-VP về nội dung Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố với nội dung: “Thống nhất chủ trương việc Tổng Công ty chuyển giao quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tại các mặt bằng nhà, đất được hoàn vốn đầu tư từ dự án Chinh trang đô thị Rạch Ụ C giai đoạn 1 (theo Công văn 5096/UBND-ĐTMT ngày 10/10/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố) cho các đơn vị thành viên Tổng công ty để các đơn vị thành viên tiến hành thành lập thủ tục đầu tư dự án, khai thác theo quy định...”.

Tại Điều lệ của Tổng Công ty R ban hành kèm theo Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định: “Doanh nghiệp thành viên là công ty con của Tổng Công ty; Công ty con là doanh nghiệp do Tổng Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc do Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối ...” và “Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng Công ty là Cổ phần hoặc vốn góp của Tổng Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác”.

Cũng tại Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành phụ lục danh sách các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty R có quy định: Công ty TNHH Một thành viên xây dựng thương mại Sài Gòn 5 là công ty con của Tổng Công ty R; đối với Công ty Cổ phần Địa ốc B và Công ty cổ phần Địa ốc Nam V là công

ty liên kết, không phải là đơn vị thành viên, công ty con của Tổng Công ty R.

Tuy nhiên, sau khi được bàn giao các mặt bằng gồm: 299/18 Lý Thường K, Phường O5, Quận E; mặt bằng 682 Hồng B, Phường O, Quận E và mặt bằng khu đất 4.606,5m² Quốc lộ 50, Phường 6, Quận T theo các nội dung văn bản nêu trên của Ủy ban nhân dân Thành phố thì Nguyễn Tín Tr, Nguyễn Phước Ng, Trần Công Đ, Đỗ Văn Ph, Võ Hữu H, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Đình Phú, Hoàng Hải Đ với vai trò, nhiệm vụ khác nhau tại Tổng Công ty R đã không thực hiện đúng quy định, trái tinh thần hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố mà thực hiện việc chuyển nhượng các mặt bằng cho các doanh nghiệp không phải là thành viên của Tổng Công ty R là Công ty Cổ phần Địa ốc B và Công ty cổ phần Địa ốc Nam V. Đối với Công ty Địa ốc Sài Gòn 5 là đơn vị thành viên của Tổng Công ty R nhưng việc chuyển nhượng không thông qua đấu giá và chuyển nhượng khi chưa báo cáo, chưa có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; trước khi chuyển nhượng không thẩm định giá theo giá thị trường. Dẫn đến thất thoát cho Tổng Công ty R tại thời điểm chuyển nhượng 03 mặt bằng là 45.434.144.100 đồng.

Như vậy, theo các quy định viện dẫn và diễn biến khách quan của vụ án thể hiện quá trình điều hành, quản lý tại Tổng Công ty R liên quan đến việc chuyển nhượng các mặt bằng gồm: 299/18 Lý Thường K, Phường O5, Quận E; 682 Hồng B, Phường O, Quận E và khu đất 4.606,5m² Quốc lộ 50, Phường 6, Quận T, Nguyễn Tín Tr, Nguyễn Phước Ng, Trần Công Đ, Đỗ Văn Ph, Võ Hữu H, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Đình Phú, Hoàng Hải Đ đã có nhiều sai phạm như chuyển nhượng các mặt bằng cho các doanh nghiệp không phải là thành viên của Tổng Công ty R, chuyển nhượng không thông qua đấu giá và chuyển nhượng khi chưa báo cáo, chưa có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chưa đủ điều kiện chuyển nhượng nhưng thực hiện việc chuyển nhượng trái quy định. Vi phạm khoản 3, khoản 6 Điều 2; Điều 6 Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008; Điều 12; Điều 15 và Điều 194 Luật Đất đai năm 2003, vi phạm Điều 7 Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên R (ban hành theo Quyết định số 7324/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và làm trái hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 59/TB-VP ngày 22/01/2013. Các vi phạm này dẫn đến thất thoát cho Tổng Công ty R số tiền 45.434.144.100 đồng.

Về việc áp dụng pháp luật: Mặc dù, hành vi cáo trạng truy tố đối với các bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018 là ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành mà sau thời điểm trên mới bị phát hiện, khởi tố, điều tra. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định các tội danh tương ứng với tội danh đã quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khung hình phạt không nặng hơn. Do đó, Hội đồng xét xử vận dụng điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử đối với các bị cáo. Như vậy, Bộ luật Hình sự áp dụng trong vụ án này là Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa

đổi, bổ sung năm 2017) với nguyên tắc xử lý nghiêm trị đối với người chủ mưu, cầm đầu; khoan hồng với người tự thú, người phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức hạn chế; thành khẩn khai báo, tỏ giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra theo quy định tại Điều 3 cũng như áp dụng các tình tiết được xem là có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Lập luận này cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho rằng nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với các bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như các Tờ trình, thông báo, phiếu lấy ý kiến họp Hội đồng thành viên, các họp đồng, nghị quyết của Hội đồng thành viên, kết quả xác minh, kết quả định giá tài sản, chứng từ kế toán, và các biên bản hoạt động điều tra khác. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Trần Công Đ, Đỗ Văn Ph và các bị cáo khác đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tội phạm do các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, gây thất thoát cho Tổng Công ty R số tiền: 45.434.144.100 đồng.

Trong vụ án này, vai trò tham gia, tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo để phân hóa trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph:

Các bị cáo là Thành viên Hội đồng thành viên, bị cáo Đức đã đồng ý trong phiếu lấy ý kiến Hội đồng thành viên về chuyển nhượng mặt bằng 682 Hồng B và mặt bằng Bình Đ gây thất thoát là 43.260.354.620 đồng của Tổng công ty R. Bị cáo Đỗ Văn Ph là Thành viên Hội đồng thành viên đã ký Tờ trình số 160/TT-KHKD ngày 19/02/2014 về việc chuyển nhượng mặt bằng Bình Đ và tham gia họp Hội đồng thành viên và đồng ý về việc chuyển nhượng mặt bằng 299/18 Lý Thường K và mặt bằng Bình Đ trái quy định, gây thất thoát là 43.626.992.855 đồng của Tổng Công ty R. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với vai trò, nhiệm vụ và hậu quả do các bị cáo gây ra.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm có xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen nơi công tác; các bị cáo thuộc gia đình có công với cách mạng được tặng thưởng

hiều Huân huy chương cao quý của Đảng và Nhà nước; các bị cáo đều nhận thức sai phạm và nộp tiền để khắc phục hậu quả của vụ án; kết quả điều tra không chứng minh các bị cáo có động cơ vụ lợi cá nhân; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để giải quyết vụ án; đơn vị bị thất thoát tài sản là Tổng Công ty R cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Bị cáo Phúc thuộc gia đình có công với cách mạng được tặng nhiều huân, huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng nghĩa với việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đức, Phúc và phạt mỗi bị cáo 03 năm 06 tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay mặc dù các bị cáo có xuất trình thêm các chứng cứ gia đình có công với cách mạng thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo có lời bào chữa giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Các nội dung khác của quyết định bản án không có kháng cáo, không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật để thi hành.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 320/2024/HS-ST ngày 05/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; điểm b, s, v, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trần Công Đ** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 219; Điều 17; Điều 58; điểm b, s, v, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn Ph** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (5)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Bị cáo Trần Công Đ và Đỗ Văn Ph; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên